TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/DS-ST
Ngày:06/6/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Gấm.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Ngọc Diệu.
2. Ông Lê Thành Đông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thành Trung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 06 tháng 6 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 368/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q.
Địa chỉ: Tầng 1, 2, Tòa nhà SailingTower , phường B, quận 1, Thành phố H.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: Tổng giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm quản lý nợ ngân hàng bán lẻ.
Người đại diện theo ủy quyền của bà H:
1. Ông Nguyễn Tiến T.
2. Ông Vương Hải L.
3. Ông Nguyễn Đại A.
4. Ông Lê Minh T.

Chức vụ: Cán bộ ngân hàng TMCP Q.
Bị đơn: Ông Lê Trọng T, sinh năm 1982.
Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1994.
Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.
Ông T, ông L có mặt; ông T, bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Minh T, ông Vương Hải L trình bày:

Ngày 11/4/2018, Ngân hàng TMCP Q đã ký kết hợp đồng tín dụng số 0194.HĐTD.VIB630.18 với ông Lê Trọng T và bà Nguyễn Thị Hồng T, với nội dung:

- Số tiền vay: 367.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: 60 tháng (từ ngày 11/4/2018 – ngày 11/4/2023).
- Mục đích vay: mua xe ô tô.
- Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi:

+ Kỳ trả nợ gốc: mỗi kỳ trả 6.116.000 đồng, trả định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên vào ngày 15/5/2018.

+ Kỳ hạn trả lãi: Trả lãi vào ngày 15 hàng tháng theo dư nợ thực tế, kỳ trả đầu tiên 15/5/2018.

Ngày 27/02/2019, ông T và bà T có đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Theo đó, ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng cho khách hàng Lê Trọng T và Nguyễn Thị Hồng T với hạn mức tín dụng là 36.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất theo quy định của ngân hàng trong từng thời kỳ. quá trình thực hiện hợp đồng, ông T và bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 06/6/2023 là 482.092.198 đồng.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà T phải có nghĩa vụ liên đới trả số nợ tạm tính đến ngày 06/6/2023 là:

- Đối với khoản vay mua xe ô tô: nợ gốc là 134.592.000 đồng, lãi là 45.993.752 đồng. Tổng cộng là 180.585.752 đồng.

- Đối với đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng: nợ gốc là 40.909.112 đồng, lãi là 260.597.334 đồng. Tổng cộng là 301.506.446 đồng.

Tổng cộng hai khoản vay ngân hàng yêu cầu ông T và bà T phải thanh toán là 482.092.198 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông L và ông T xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay theo đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 27/02/2019, cụ thể: nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ đối với khoản vay mua xe ô tô theo hợp đồng tín dụng số 0194.HĐTD.VIB630.18 ngày 11/4/2018 tính đến ngày 06/6/2023 là 180.585.751 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Lê Trọng T và bà Nguyễn Thị Hồng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T, bà T.

[2] Về nội dung: Giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Lê Trọng T và bà Nguyễn Thị Hồng T đã thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng số 0194.HĐTD.VIB630.18 ngày 11/4/2018 và Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 27/02/2019. Các hợp đồng này được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với pháp luật nên có hiệu lực thi hành. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp

đồng đã ký kết. Cụ thể: ông T và bà T đã vi phạm các kỳ trả nợ từ tháng 5/2021, số tiền còn nợ tính đến ngày 06/6/2023 đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 0194.HĐTD.VIB630.18 ngày 11/4/2018 tổng số tiền là 180.585.752 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 134.592.000 đồng, lãi là 45.993.752 đồng. Do ông T và bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết nên Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu ông T và bà T phải trả số tiền vay còn nợ nêu trên là có căn cứ và cần được chấp nhận.

Đối với khoản vay theo Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 27/02/2019 thì tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã có yêu cầu xin rút lại yêu cầu này. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên cần đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện này.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.969.000 (Năm triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn) đồng.

- Ông T, bà T phải liên đới chịu là: 180.585.751 đồng x 5% = 9.029.287 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 288, 463, 466 của Bộ luật Dân sự, các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Lê Trọng T và bà Nguyễn Thị Hồng T.

Buộc ông Lê Trọng T và bà Nguyễn Thị Hồng T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền còn nợ tính đến ngày 06/6/2023 theo Hợp đồng tín dụng số 0194.HĐTD.VIB630.18 ngày 11/4/2018 với tổng số tiền là 180.585.751 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 134.592.000 đồng, nợ lãi là 45.993.752.

Kể từ ngày 07/6/2023 cho đến khi thi hành án xong, ông T và bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số 0194.HĐTD.VIB630.18 ngày 11/4/2018 đã ký kết với Ngân hàng TMCP Q.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền còn nợ theo Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 27/02/2019 với số tiền là 87.357.812 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.969.000 (Năm triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn) đồng theo biên lai thu số 0011167 ngày 02/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

- Ông Lê Trọng T và bà Nguyễn Thị Hồng T phải có nghĩa vụ liên đới chịu là 9.029.287 đồng (chín triệu không trăm hai mươi chín nghìn hai trăm tám mươi bảy đồng).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Thị Gẩm